

TIN TIÊU ĐIỂM:**L**ao động
Tăng lương tối thiểu vùng lên 3,5 triệu/tháng từ 2016

Theo Nghị định số 122/2015/NĐ-CP ngày 14/11/2015 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức có sử dụng lao động theo hợp đồng, từ ngày 01/01/2016, mức lương tối thiểu vùng sẽ tăng thêm từ 250.000 đồng/tháng - 400.000 đồng/tháng so với quy định hiện hành

Cụ thể, đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thuộc vùng I, bao gồm các quận và các huyện Gia Lâm, Đông Anh, Thanh Trì, Thường Tín, thị xã Sơn Tây thuộc Thành phố Hà Nội; các quận và các huyện Củ Chi, Nhà Bè, Bình Chánh thuộc TP.HCM..., mức lương tối thiểu tăng thêm 400.000 đồng/tháng, từ 3,1 triệu đồng/tháng lên 3,5 triệu đồng/tháng. Đối với các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thuộc vùng II như: Thành phố Hải Dương thuộc tỉnh Hải Dương; Thành phố Hưng Yên và các huyện Mỹ Hào, Văn Lâm, Văn Giang, Yên Mỹ (Hưng Yên);

Thành phố Hạ Long, Cẩm Phả, Uông Bí, Móng Cái (Quảng Ninh)..., áp dụng mức lương tối thiểu là 3,1 triệu đồng/tháng, tăng 350.000 đồng/tháng so với trước đây. Đối với các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thuộc vùng III và IV, mức lương tối thiểu vùng lần lượt là 2,7 triệu đồng/tháng và 2,4 triệu đồng/tháng, trong khi mức lương tối thiểu cũ là 2,4 triệu đồng/tháng và 2,15 triệu đồng/tháng.

Trường hợp doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao nằm trên các địa bàn có mức lương tối thiểu vùng khác nhau, áp dụng theo địa bàn có mức lương tối thiểu vùng cao nhất.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2016.

Mức lương tối thiểu vùng là mức thấp nhất làm cơ sở để doanh nghiệp và người lao động thỏa thuận và trả lương. Trong đó, mức lương trả cho người lao động làm việc trong điều kiện lao động bình thường, bảo đảm đủ thời giờ làm việc bình thường trong tháng và hoàn thành định mức lao động hoặc công việc đã thỏa thuận không được thấp hơn mức lương tối thiểu vùng với lao động chưa qua đào tạo làm công việc đơn giản nhất và phải cao hơn ít nhất 7% so với mức lương tối thiểu vùng đối với lao động đã qua học nghề.

Bảo hiểm Chế độ thai sản với người nhờ và người mang thai hộ

Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc; trong đó đáng chú ý là những nội dung về chế độ thai sản của lao động mang thai hộ và người mẹ nhờ mang thai hộ

Cụ thể, lao động nữ mang thai hộ đang đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vào Quỹ ốm đau và thai sản, trong thời gian mang thai được nghỉ việc để đi khám thai 05 lần, mỗi lần 01 ngày hoặc mỗi lần 02 ngày với trường hợp ở xa cơ sở khám, chữa bệnh. Trường hợp lao động nữ đã đóng bảo hiểm từ đủ 06 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng trước khi sinh con sẽ được trợ cấp một lần cho mỗi con bằng 02 lần mức lương cơ sở; được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản cho đến ngày giao đứa trẻ cho người mẹ nhờ mang thai hộ, tối đa là 06 tháng.

Tương tự, người mẹ nhờ mang thai hộ đã đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vào Quỹ ốm đau và thai sản từ đủ 06 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng tính đến thời điểm nhận con cũng sẽ được nhận trợ cấp một lần cho mỗi con bằng 02 lần mức lương cơ sở nếu người mẹ mang thai hộ không đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc; được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản từ thời điểm nhận con cho đến khi con đủ 06 tháng tuổi...

Ngoài ra, Nghị định cũng hướng dẫn cụ thể về các trường hợp doanh nghiệp được tạm dừng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Theo đó, doanh nghiệp được tạm dừng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vào Quỹ hưu trí và tử tuất trong 12 tháng nếu phải tạm dừng sản xuất, kinh doanh từ 01 tháng trở lên do gặp khó khăn khi thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc do khủng hoảng, suy thoái kinh tế; gặp khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, mất mùa..., không bố trí được việc làm cho người lao động, trong đó có từ 50% lao động thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội phải tạm thời nghỉ việc hoặc bị thiệt hại trên 50% tổng giá trị tài sản do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, mất mùa gây ra...

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2016; riêng quy định đối với người làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ 01 tháng đến dưới 03 tháng áp dụng từ ngày 01/01/2018.

Đầu tư Mức ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư từ 1% - 3%

Nhà đầu tư phải ký quỹ khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trừ trường hợp trúng đấu thầu thực hiện dự án; được giao đất trên cơ sở nhận chuyển nhượng dự án, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất... là nội dung đáng chú ý tại Nghị định số 118/2015/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 12/11/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư

Việc ký quỹ được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận bằng văn bản giữa cơ quan đăng ký đầu tư và nhà đầu tư sau khi dự án được quyết định chủ trương đầu tư nhưng phải trước thời điểm giao, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Trong đó, mức ký quỹ được tính bằng tỷ lệ phần trăm trên vốn đầu tư của dự án, bằng 3% đối với phần vốn đến 300 tỷ đồng; 2% với phần vốn trên 300 tỷ đồng đến 1.000 tỷ đồng và 1% đối với phần vốn trên 1.000 tỷ đồng.

Số tiền ký quỹ được hoàn trả 50% tại thời điểm nhà đầu tư hoàn thành thủ tục giao, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và được cấp các giấy phép, chấp thuận khác theo quy định. Số tiền ký quỹ còn lại và tiền lãi phát sinh sẽ được hoàn tại thời điểm nhà đầu tư hoàn thành việc nghiệm thu công trình xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị để dự án đầu tư hoạt động không chậm hơn tiến độ quy định.

Riêng đối với những dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư; dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; dự án thực hiện trong khu công nghiệp, khu chế xuất và dự án thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư, tại địa bàn đặc biệt khó khăn; dự án đầu tư thực hiện trong khu công nghệ cao, khu kinh tế, sẽ được giảm lần lượt 25% và 50% tiền ký quỹ.

Bên cạnh đó, Nghị định cũng nhấn mạnh, mỗi dự án đầu tư sẽ được cấp 01 mã số duy nhất; mã số này bao gồm 10 chữ số, không thay đổi trong quá trình hoạt động của dự

án, không được cấp cho dự án khác, được tạo tự động bởi Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài và được ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27/12/2015.

Chứng khoán **Thời gian chào bán chứng khoán ra công chúng tối đa 90 ngày/đợt**

Theo Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu, thời gian chào bán dự kiến của từng đợt chào bán cổ phiếu, trái phiếu ra công chúng không được kéo dài quá 90 ngày

Trước mỗi đợt phát hành, tổ chức phát hành phải bổ sung hồ sơ các tài liệu về tình hình công ty, tình hình sử dụng số tiền thu được từ các đợt phát hành trước được xác nhận bởi tổ chức kiểm toán nếu thời điểm của đợt phát hành sau cách đợt phát hành trước từ 06 tháng trở lên, kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán trước đó. Khoảng cách giữa đợt chào bán sau với đợt chào bán trước tối đa là 12 tháng.

Về công bố thông tin, Thông tư quy định, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực, tổ chức phát hành phải công bố bản thông báo phát hành trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo viết có phạm vi phát hành toàn quốc trong 03 số liên tiếp. Đồng thời, bản thông báo phát hành và bản cáo bạch chính thức cũng phải được đăng tải trên website của tổ chức phát hành và Sở Giao dịch chứng khoán nơi niêm yết/đăng ký giao dịch chứng khoán (nếu có).

Cũng theo Thông tư này, công ty đại chúng chỉ được thay đổi việc mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; thay đổi này phải được thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 24 giờ.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15/12/2015.

Hướng dẫn đăng ký giao dịch chứng khoán trên Upcom

Ngày 13/11/2015, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 180/2015/TT-BTC hướng dẫn về đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết (Upcom), quy định tổ chức phát hành chưa niêm yết chứng khoán phải hoàn tất việc đăng ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán chứng khoán ra công chúng

Với công ty đại chúng, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có công văn xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng, phải hoàn tất việc đăng ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom. Đặc biệt, trong vòng 01 năm kể từ ngày 01/01/2016, công ty đã là công ty đại chúng và công ty đại chúng đã hủy niêm yết trước năm 2016 phải hoàn tất thủ tục đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom.

Trường hợp tổ chức đăng ký giao dịch không còn đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng theo thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; chấm dứt sự tồn tại do bị sáp nhập, hợp nhất, chia, giải thể, phá sản; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán..., chứng khoán sẽ bị hủy đăng ký giao dịch.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2016.

Tài chính – Ngân hàng
Thời hạn thanh toán séc là 30 ngày

Theo Thông tư số 22/2015/TT-NHNN ngày 20/11/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hoạt động cung ứng và sử dụng séc, thời hạn xuất trình yêu cầu thanh toán séc là 30 ngày kể từ ngày ký phát, không tính thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan

Trường hợp xuất trình sau thời hạn xuất trình để thanh toán nhưng chưa quá 06 tháng kể từ ngày ký phát thì người bị ký phát vẫn có thể thanh toán nếu không nhận được thông báo đình chỉ thanh toán đối với tờ séc đó và người ký phát có đủ tiền trên tài khoản thanh toán để thanh toán. Đặc biệt, người thụ hưởng có thể xuất trình séc để thanh toán theo hình thức thư bảo đảm qua mạng bưu chính công cộng; việc xác định thời điểm xuất trình séc để thanh toán được tính theo ngày trên dấu bưu điện nơi gửi.

Về lập và ký phát séc, Thông tư quy định tờ séc phải được lập trên mẫu séc trắng do người bị ký phát cung ứng; nếu séc được lập trên mẫu séc trắng không phải do người bị ký phát cung ứng thì người bị ký phát có quyền từ chối thanh toán tờ séc đó. Số tiền được ghi bằng số trên séc phải bằng với số tiền ghi bằng chữ trên séc; không được viết thêm chữ (khác dòng) vào giữa hai chữ viết liền nhau trên séc.

Người ký phát có quyền yêu cầu đình chỉ thanh toán séc mà mình đã ký phát bằng việc thông báo bằng yêu cầu đình chỉ thanh toán séc; thông báo đình chỉ này chỉ có hiệu lực sau thời hạn xuất trình yêu cầu thanh toán séc mà người thụ hưởng hoặc người được ủy quyền chưa xuất trình tờ séc để thanh toán tại người bị ký phát.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12/01/2016.

T^{hương mại}

Một số quy định sửa đổi liên quan đến Doanh nghiệp chế xuất

Ngày 09/11/2015, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 114/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 21 Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế. Theo quy định tại Nghị định này, doanh nghiệp chế xuất được bán vào thị trường nội địa tài sản thanh lý của doanh nghiệp và các hàng hóa khác theo quy định của pháp luật về đầu tư và thương mại

Tại thời điểm bán, thanh lý vào thị trường nội địa, không áp dụng chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trừ trường hợp hàng hóa thuộc diện quản lý theo điều kiện, tiêu chuẩn, kiểm tra chuyên ngành chưa thực hiện khi nhập khẩu. Đối với hàng hóa quản lý bằng giấy phép, phải được cơ quan cấp phép nhập khẩu đồng ý bằng văn bản.

Bên cạnh đó, Nghị định cũng cho phép doanh nghiệp chế xuất, người bán hàng cho doanh nghiệp chế xuất được lựa chọn thực hiện hoặc không thực hiện thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu và hải quan đối với vật liệu xây dựng, văn phòng phẩm, lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng từ nội địa Việt Nam.

Đặc biệt, từ ngày 25/12/2015 không bắt buộc doanh nghiệp chế xuất được cấp Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa tại Việt Nam phải thành lập chi nhánh riêng nằm ngoài doanh nghiệp khu chế xuất doanh nghiệp chế xuất.

Như vậy, doanh nghiệp có thể bố trí khu vực lưu giữ hàng hóa ngăn cách với khu vực giữ hàng hóa phục vụ hoạt động sản xuất của mình và phải mở sổ kế toán hạch toán riêng doanh thu, chi phí liên quan đến hoạt động mua bán hàng hóa tại Việt Nam hoặc thành lập chi nhánh riêng nằm ngoài doanh nghiệp để thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa tại Việt Nam.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/12/2015.

Xuất nhập khẩu

Được nhập khẩu thiết bị cũ đã qua sử dụng không quá 10 năm

Đây là nội dung nổi bật tại Thông tư số 23/2015/TT-BKHHCN ngày 13/11/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng,

Ngoài việc có tuổi không quá 10 năm, máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng được nhập khẩu phải phù hợp với các yêu cầu về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường và được sản xuất theo tiêu chuẩn phù hợp với quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc Tiêu chuẩn quốc gia của Việt Nam hoặc phù hợp với Tiêu chuẩn của các nước G7 về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường. Đặc biệt, chỉ được nhập khẩu linh kiện, phụ tùng, bộ phận thay thế đã qua sử dụng khi doanh nghiệp sản xuất có nhu cầu sửa chữa, thay thế đối với thiết bị đang được vận hành tại doanh nghiệp. Doanh nghiệp sản xuất có thể tự nhập khẩu hoặc ủy quyền cho doanh nghiệp khác thực hiện việc nhập khẩu.

Đối với thiết bị đã qua sử dụng có tuổi vượt quá 10 năm nhưng doanh nghiệp cần thiết phải nhập khẩu để bảo đảm duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh, Bộ Khoa học và Công nghệ sẽ xem xét, quyết định dựa trên hồ sơ và kiến nghị của doanh nghiệp. Trường hợp thiết bị đã qua sử dụng đã được thông quan và đưa về lắp đặt, sử dụng, nếu trong quá trình vận hành không đáp ứng các yêu cầu về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường, doanh nghiệp sẽ phải chịu hình thức xử lý theo quy định hiện hành.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2016.

NHẬN ĐỊNH VỀ CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT:

MONG MANH GIỮA TIẾN BỘ VÀ RÀO CẢN

Luật sư Nguyễn Hưng Quang

Luật sư Trần Thanh Huyền

Cho đến nay, Luật Doanh nghiệp 2014 đã có hiệu lực thi hành gần 05 tháng với những quy định được cho là thông thoáng và đột phá về mặt chính sách. Đồng thời, các nghị định hướng dẫn Luật Doanh nghiệp 2014 đã được ban hành, trong đó có Nghị định 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp 2014 và Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14/09/2015 về đăng ký doanh nghiệp. Tuy nhiên, thực tế lại phát sinh những vấn đề vướng mắc từ chính những quy định được cho là mang tính đột phá này. Trong số này, NHQuang&Associates xin gửi tới Quý vị một số phân tích liên quan đến việc thi hành Luật Doanh nghiệp 2014 do luật sư Nguyễn Hưng Quang và luật sư Trần Thanh Huyền thực hiện. Chúng tôi hy vọng bài viết này giúp cho các doanh nghiệp hiểu được những vấn đề pháp lý gây vướng mắc cho hoạt động của doanh nghiệp.

Con dấu của Doanh nghiệp
Luật Doanh nghiệp 2014 đã đặt ra một chế định mới về “con dấu”: “doanh nghiệp có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp”¹. Quy định này mang lại những cải cách lớn, như: (i) cải cách về tính thuận tiện, chủ động cho doanh nghiệp trong việc sử dụng con dấu; (ii) cải cách về nếp nghĩ, thói quen sử dụng con dấu để xác định “địa vị pháp lý” của văn bản giấy tờ cho toàn bộ người dân, doanh nghiệp và cán bộ nhà nước...

Luật Doanh nghiệp 2014 (Điều 44) và Nghị định 78/2015/NĐ-CP (Điều 34, khoản 2) quy định: *trước khi sử dụng con dấu, doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo mẫu dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp*. Như vậy, thông báo mẫu dấu là một nghĩa vụ hành chính của doanh nghiệp. Việc doanh nghiệp thông báo hay không thông báo không làm phát

sinh hay mất hiệu lực của con dấu. Hành vi không thông báo mẫu dấu của doanh nghiệp là một hành vi vi phạm hành chính và doanh nghiệp có thể bị xử phạt về hành vi này.

Thế nhưng Nghị định 78/2015/NĐ-CP lại quy định khi thông báo mẫu dấu gửi cơ quan Đăng ký kinh doanh thì phải thông báo “*thời điểm có hiệu lực của mẫu con dấu*”². Quy định này vừa không đúng với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 (Điều 44) và không đúng về mục tiêu “tạo tính chủ động cho doanh nghiệp” đối với con dấu. Một số cơ quan đăng ký kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp chỉ được đăng ký thời điểm có hiệu lực của con dấu là sau 3 ngày kể từ ngày thông báo mẫu dấu đến cơ quan đăng ký kinh doanh; nếu doanh nghiệp đăng ký trước thời điểm này sẽ không được nhận hồ sơ thông báo. Thậm chí, doanh nghiệp còn được hướng dẫn chỉ được sử dụng con dấu sau khi mẫu con dấu của

doanh nghiệp được đăng tải trên Hệ thống Đăng kí kinh doanh Quốc gia.

Ngoài ra, Nghị định 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 loại bỏ các loại hình doanh nghiệp được thành lập theo các luật: Luật Công chứng, Luật Luật sư, Luật Giám định tư pháp, Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Chứng khoán, Luật Hợp tác xã (Điều 1) trong khi Luật Doanh nghiệp không có hạn chế này.

Hai vấn đề nêu trên cho thấy các nghị định hướng dẫn Luật Doanh nghiệp đã có những điểm trái Luật Doanh nghiệp. Đây không phải là những quy định mang tính hướng dẫn chi tiết mà là những quy định thay đổi hẳn nội dung, phạm vi áp dụng của Luật Doanh nghiệp.

Ngoài ra, một số doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy phép đầu tư có nhu cầu khắc thêm con dấu, khắc lại con dấu do bị hỏng, mất hoặc khắc mới con dấu đối với các doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đầu tư trước khi Luật Doanh nghiệp 2014 có hiệu lực bị từ chối nhận thông báo sử dụng mẫu dấu của doanh nghiệp với các lí do sau: (i) Doanh nghiệp chưa được cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp nên chưa có mã số doanh nghiệp; (ii) Hệ thống đăng kí kinh doanh Quốc gia không thể đăng tải mẫu con dấu của doanh nghiệp. Thực tiễn này có tính cưỡng bức doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải thực hiện việc đăng ký lại hoạt động đầu tư của mình trong khi họ không có nhu cầu thực hiện việc này. Quy định bắt buộc doanh nghiệp có vốn đầu tư

nước ngoài phải đăng ký lại của Luật Đầu tư 2005 đã không được hưởng ứng dẫn đến phải sửa đổi thì nay lại được tiếp tục đặt ra. Ngay cả khi Nghị định 78/2015/NĐ-CP quy định:

- “Đối với các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh), mã số doanh nghiệp là mã số thuế do cơ quan thuế đã cấp cho doanh nghiệp”³
- “Doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế hoặc Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục hoạt động theo nội dung các giấy chứng nhận nêu trên và **không bắt buộc phải thực hiện thủ tục đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**. Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo mẫu mới khi đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp”⁴

Một số ví dụ nêu trên cho thấy những tư tưởng cải cách lớn về môi trường pháp lý, môi trường kinh doanh... qua chế định con dấu đã bị phá vỡ qua những thực tiễn nêu trên. Do đó, rất cần thiết phải xem xét lại những vấn đề này trước khi việc áp dụng trở nên phổ biến, tạo thành nếp nghĩ thì gây nên nhiều hệ lụy khôn lường khác.

Sự trở lại của mã ngành nghề

Yêu cầu doanh nghiệp phải đăng ký ngành nghề với mã ngành nghề tương chừng đã chấm dứt với Luật Doanh nghiệp 2014, nhưng Nghi định 78/2015/NĐ-CP tiếp tục yêu cầu doanh nghiệp lựa chọn ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư để ghi ngành, nghề kinh doanh⁵. Vấn đề này cần phải được minh định rõ ràng. Có ý kiến cho rằng việc bỏ ghi mã ngành nghề kinh doanh với mục tiêu giúp cho doanh nghiệp tự chủ trong kinh doanh⁶. Ý kiến này gần như được giải thích xuyên suốt quá trình soạn thảo và ban hành Luật Doanh nghiệp 2014. Việc Nghị định 78/2015 có quy định buộc doanh nghiệp phải đăng ký mã ngành nghề cùng với với thực tiễn về sự xuất hiện của hai loại giấy: Giấy chứng

nhận đăng kí doanh nghiệp in trên nền vàng truyền thống - “giấy vàng” và Giấy xác nhận về việc thay đổi thông tin đăng kí doanh nghiệp được in trên nền trắng - “giấy trắng” (Xem thêm Bài viết *Thực tiễn thi hành Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư 2014 trong giai đoạn chuyển tiếp* của luật sư Trần Thanh Huyền trong Bản tin pháp luật số 28-29-30) cho thấy pháp luật về doanh nghiệp khi có Luật Doanh nghiệp 2014 đã không có tiến bộ nào về cải cách đăng ký kinh doanh. Thậm chí, thực tiễn cho thấy sự rối rắm trong việc thực thi, gây tổn kém cho cả nhà nước và doanh nghiệp trong việc thực thi. (trong số sau, chúng tôi sẽ trình bày tiếp những vướng mắc khác có thể phát sinh từ việc thi hành các văn bản hướng dẫn thi hành của Luật Doanh nghiệp)

Lưu ý: Tất cả các ý kiến, nhận định và quy định được trích dẫn trong bài viết chỉ mang tính tham khảo nên không được coi đó là ý kiến pháp lý chính thức để vận dụng vào các trường hợp cụ thể. Bên cạnh đó, văn bản pháp luật được dẫn chiếu có thể đã hết hiệu lực hoặc đã được sửa đổi, bổ sung tại thời điểm Quý khách hàng tham khảo bài viết cho các tình huống phát sinh trên thực tế. Do vậy, để có được ý kiến pháp lý cho từng trường hợp một cách chính xác nhất, Quý khách hàng vui lòng liên hệ trực tiếp với chúng tôi.

**DANH MỤC VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH TỪ NGÀY
11/11/2015 ĐẾN NGÀY 24/11/2015**

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành
1.	Nghị định 116/2015/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần	11/11/2015
2.	Nghị định 113/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập	09/11/2015
3.	Thông tư 23/2015/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng	13/11/2015
4.	Thông tư 162/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu	26/10/2015
5.	Thông tư 63/2015/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt	05/11/2015
6.	Thông tư 20/2015/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị định 93/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 64/2013/NĐ-CP ngày 27/06/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ	05/11/2015
7.	Nghị định 114/2015/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 21 Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế	09/11/2015
8.	Thông tư 179/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	13/11/2015
9.	Nghị định 122/2015/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức có sử dụng lao động theo hợp đồng lao động	14/11/2015
10.	Thông tư 45/2015/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định 61/2015/NĐ-CP ngày 09/07/2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm	11/11/2015

11.	Nghị định 118/2015/NĐ-CP của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư	12/11/2015
12.	Thông tư 22/2015/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc quy định hoạt động cung ứng và sử dụng séc	20/11/2015
13.	Nghị định 124/2015/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	19/11/2015
14.	Thông tư 180/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết	13/11/2015
15.	Nghị định 115/2015/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc	11/11/2015
16.	Nghị quyết 100/2015/QH13 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020	12/11/2015
17.	Nghị quyết 98/2015/QH13 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016	10/11/2015
18.	Quyết định 58/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan Nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập	17/11/2015
19.	Nghị định 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch	15/11/2015

¹ Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 44

² Nghị định 78/2015/NĐ-CP, Điều 34, khoản 2

³ Nghị định 78/2015/NĐ-CP, Điều 8, khoản 9

⁴ Nghị định 78/2015/NĐ-CP, Điều 81, khoản 4

⁵ Nghị định 78/2015/NĐ-CP, Điều 7

⁶ Nguyễn Đình Cung - Viện quản lý kinh tế trung ương, Những cải cách thể chế tạo nên sự khác biệt 2014, <http://www.vnep.org.vn/vi-vn/Diem-nong/Ba-dot-pha-trong-chien-luoc-phat-trien/Nhung-cai-cach-the-che-cao-tao-nen-su-khac-biet-cua-nam-2014.html>